

Số: **151** /CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý Phát hành)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Phòng quản lý niêm yết)

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: TAW

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thế Bảo

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0903632962

Điện thoại cố định (cơ quan): (028) 39851386

Fax: (028) 3588 3475

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (Công ty) công bố thông tin về các hợp đồng ký với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (cổ đông chiếm 65% vốn điều lệ Công ty) như sau:

- Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 286/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 01 năm 2019;

- Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 287/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 01 năm 2019;

- Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ số 288/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 01 năm 2019;




- Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt số 289/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 01 năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 30/01/2019 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn/tin-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
CÔNG TY GIAM ĐỐC
CỔ PHẦN
CẤP QUỐC
TRUNG AN
Hoàng Thế Bảo



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ phân phối nước sạch

Số: 286 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN ỦY QUYỀN: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN-TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN (sau đây gọi là Bên A)**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 29/01/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN VĂN DỤ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung làm đại diện (Theo công văn số 04/UBND-VX-TC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Nghị Quyết số 72/NQ-TCT-HĐTV ngày 05/01/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên).

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN (sau đây gọi là Bên B)

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi uỷ quyền.

1.1. Bên A uỷ quyền và cho Bên B dùng tư cách pháp nhân và con dấu của mình để nhân danh Bên A xác lập, thực hiện trên địa bàn quận 12, quận Gò Vấp (ngoại trừ phường 1) và huyện Hóc Môn các công việc sau:

1.1.1 Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng;

cung cấp nước; đọc số, thu tiền; thay, nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước.

- 1.1.2 Lập và thực hiện các kế hoạch phát triển khách hàng căn cứ vào năng lực cung cấp và khả năng tiêu thụ nước trên địa bàn. Thực hiện xin phép đào đường, thi công, lắp đặt đồng hồ nước.
- 1.1.3 Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa mạng lưới cấp nước (bao gồm: đường ống, các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước, đồng hồ nước khách hàng) và thực hiện giảm nước thất thoát, thất thu trên địa bàn, nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng an toàn, liên tục, đạt chất lượng theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- 1.1.4 Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

1.2. Bên B được quyền ủy quyền lại để thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền đã quy định tại khoản 1.1 điều này phù hợp với điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Điều 2. Thời hạn ủy quyền.

Hợp đồng ủy quyền này có thời hạn từ ngày **01 tháng 01 năm 2019** đến ngày **31 tháng 12 năm 2019**.

Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 3.1.1. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi ủy quyền.
- 3.1.2. Yêu cầu Bên B thông báo về việc thực hiện công việc theo ủy quyền.
- 3.1.3. Yêu cầu Bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ thực hiện công việc ủy quyền.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 3.2.1. Thực hiện công việc ủy quyền theo ủy quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó.
- 3.2.2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền.

3.2.3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc uỷ quyền.

3.2.4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện uỷ quyền.

3.2.5. Giao lại cho Bên A những lợi ích thu được trong khi thực hiện uỷ quyền.

Điều 4: Thù lao của Hợp đồng

Các nghĩa vụ, quyền lợi của cả hai bên và thù lao của hợp đồng uỷ quyền này sẽ được thể hiện chi tiết bằng các điều khoản trong một hợp đồng khác có tên là Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch hoặc các Hợp đồng khác. Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch hoặc các Hợp đồng khác là hợp đồng kèm theo và không thể tách rời của Hợp đồng uỷ quyền này.

Điều 5: Điều khoản chung

- 5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 5.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi nghĩa vụ của một hoặc hai bên, sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.
- 5.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 5.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A *law*
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dụ

ĐẠI DIỆN BÊN B *law*

GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: 287 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo Hợp đồng ủy quyền số: **286** /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 28 tháng 01 năm 2019;

- Bản thỏa thuận ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

M số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 29/01/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN VĂN DỤ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung làm đại diện (Theo công văn số 04/UBND-VX-TC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Nghị Quyết số 72/NQ-TCT-HĐTV ngày 05/01/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên).

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thông nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

- 1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền.
 - 1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật họa đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước, ... (tất cả các công việc liên quan đến đồng hồ nước sau khi gắn mới).
 - 1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.
- 1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn quận 12, quận Gò Vấp (ngoại trừ phường 1), huyện Hóc Môn.

Điều 2: Khối lượng công việc.

- 2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.
- 2.2. Khối lượng nước sạch cung cấp trong 01 kỳ là lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo hợp đồng này.
- 2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất lấy số liệu (chuẩn thu lần 1) để tính toán khối lượng nước sạch cung cấp trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1 Chất lượng nước sạch cung cấp:

- 3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm Thông tư số 04/2009/TT-BYT, ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế.
- 3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.
- 3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.

3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này.

3.2 Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.

3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.

3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh đơn giá hợp đồng trong Điều 4 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá hợp đồng.

4.1. Đơn giá hợp đồng này là **2.225,32 đ/m³** tính trên 1 đơn vị khối lượng công việc (m³) theo Điều 2 của hợp đồng này.

4.2. Đơn giá trên có thể điều chỉnh khi kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B thay đổi hoặc khi kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn. Khi đó, hai bên sẽ thương thảo xây dựng lại đơn giá hợp đồng. Việc xây dựng đơn giá hợp đồng sẽ được hai bên thỏa thuận và thể hiện bằng văn bản đính kèm hợp đồng.

4.3. Đơn giá được nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%.

4.4. Đơn giá mua bán trên sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với hoạt động cấp nước trong năm 2019 và/hoặc khi có Quyết định điều chỉnh giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn thành phố của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng **02 đợt** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).

- Đợt 2: Phần còn lại tối đa vào ngày 10 tháng sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán trước kỳ thanh toán này tối đa 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu ở trên làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh đơn giá hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 7.1.1 Thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.1.2 Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.1.3 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.
- 7.1.4 Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.1.5 Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.
- 7.1.6 Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.

- 7.1.7 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.1.8 In hóa đơn tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.9 Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1 điều 6 của Hợp đồng này.
- 7.1.10 Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 7.2.1 Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
- 7.2.2 Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	Số Tài khoản	Mở tại
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Sóng Thần

Bên B giao hóa đơn tiền nước đã thu tiền cho khách hàng, đồng thời chuyển cho Bên A liên lưu hóa đơn tiền nước ngay trong ngày.

- 7.2.3 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của bên thứ 3 có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.2.4 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.
- 7.2.5 Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 7.2.6 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.7 Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này. Phối hợp

và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

7.2.8 Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

7.3.1 Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.

7.3.2 Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.

7.3.3 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:

8.1.1. Chiến tranh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.

8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.

8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.

8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.

8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019

9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Các biện pháp chế tài và phạt vi phạm Hợp đồng.

- 10.1. Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng vi phạm.
- 10.2. Mức phạt đối với Bên B khi không hoàn thành chỉ tiêu do Bên A đề ra trong công tác chống thất thoát nước. Cứ a% không đạt được tỷ lệ thất thoát nước do Bên A giao cho Bên B theo kế hoạch thì bị trừ tương ứng a% trên tổng số tiền dịch vụ.
- 10.3. Trường hợp bên vi phạm Hợp đồng chậm thanh toán thù lao dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này thì bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

Điều 11: Điều khoản chung.

- 11.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 11.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 11.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 11.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A *luu*

Nguyễn Văn Dụ

ĐẠI DIỆN BÊN B *luu*

GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo

PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2019 (Do Bên B xây dựng)

LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2019

Kỳ Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	(19/12)	(19/01)	(19/02)	(19/03)	(19/04)	(20/05)	(19/06)	(19/07)	(19/08)	(19/09)	(19/10)	(19/11)
19	1		1 31	1 28	1 30		1 30	1 30	1 31	1 31	1 30	1 31
20	2		2 30	2 28		1 32	2 30	2 30	2 31	2 31		2 31
21		2 32				2 32	3 29				2 31	
22		3 31	3 31	3 28	3 31			3 31	3 31		3 29	3 31
23		4 30	4 31	4 28	4 31	3 31		4 29	4 31	3 32		4 31
24	4 27	5 30			5 30	4 31	4 31			4 32	4 30	
25	5 27	6 29	5 32	5 28	6 30		5 29	5 30			5 29	5 31
26		7 29	6 32	6 28	7 29			6 29	5 32	5 31		6 29
27	6 21					5 33	6 30		6 32	6 31		
28	7 28	8 26	7 33	7 28		6 33	7 30				6 31	7 31
29		9 26		8 28	Hoán đổi	7 33		7 31	7 31		7 29	8 31
30		10 25			Lê 30/04			8 29	8 31	7 32		
31	Hoán đổi	11 24				8 29					8 31	
01	Tết DL	12 24	8 32	9 30	Lê 01/05		8 31	9 30		8 32	9 29	
02	8 32			10 29	8 34		9 29	10 29	Lê 02/09			9 31
03	9 31				9 32	9 31			9 33	9 30		10 31
04		Tết AL	10 33	11 30		10 29	10 30		10 33	10 30	10 31	
05	10 32	Tết AL	11 33	12 29			11 29	11 31	11 31	11 30	11 31	11 31
06		Tết AL			10 34	11 30		12 29	12 31			12 31
07	11 33	Tết AL	12 34		11 33	12 29				12 31	12 31	
08	12 33	Hoán đổi	13 35	13 31			12 31	13 30		13 29	13 31	
09			14 30	14 31	12 34		13 31	14 30	13 32		14 30	13 31
10	13 31			15 30	13 32	14 30	14 30		14 32	14 30		14 31
11	14 34	13 32	15 21	16 30		15 29				15 29	15 31	

12	15 ³³	14 ³²	16 ²⁶	17 ²⁹			15 ³¹	15 ³¹	15 ³¹	16 ³¹	16 ³¹	15 ³¹
13		15 ³²				15 ³³	16 ³⁰	16 ³¹	16 ³¹			16 ³¹
14	16 ³⁴	16 ³¹	17 ²⁷			16 ³³	17 ³⁰		17 ³⁰	17 ³¹	17 ³⁰	17 ³¹
15	17 ³⁴	17 ³¹	18 ²⁷	Bù		17 ³³		17 ³¹	18 ³⁰		18 ²⁹	18 ³¹
16	18 ³⁴		18 ²⁷	18 ³²		18 ³⁰		18 ³¹	19 ³⁰	18 ³²		19 ³⁰
17	19 ³⁴			19 ³²		19 ³⁰	19 ³¹	19 ³⁰		19 ³²	19 ³⁰	19 ³¹
18	20 ³⁴	20 ³¹	20 ²⁸	20 ³¹		20 ³⁴	20 ³¹	20 ³⁰	20 ³¹	20 ³¹	20 ³⁰	20 ³¹
Chu kỳ	31,15	29,40	29,75	29,40	31,55	30,65	30,15	30,05	31,50	30,45	30,35	30,30



Thứ bảy



Chủ nhật



Không có ngày

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ **Tổng chỉ số tiêu thụ (số liệu chuẩn thu lần 1) của tất cả các khách hàng trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An .trong kỳ.....năm.....là m³.**

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CT CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ngày
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo Hợp đồng dịch vụ số, tháng.....năm..... = Đơn giá(khối lượng công việc) x khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng trong kỳ.....năm = đồng

Thuế giá trị gia tăng (10%) =đồng

Số tiền thanh toán: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG

Thay đồng hồ nước định kỳ

Số: **288** /HĐ –TCT – KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khóa XIII;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính Phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;
- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UB ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;



- Theo Hợp đồng uỷ quyền số: **286** /HD-TCT-KDDVKH, ngày **28** tháng 01 năm 2019;

- Xét nhu cầu khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày **28** tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 29/01/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN VĂN DỤ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung làm đại diện (Theo công văn số 04/UBND-VX-TC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Nghị Quyết số 72/NQ-TCT-HĐTV ngày 05/01/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên).

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC.

1.1- Nội dung công việc:

1.1.1. Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công tác thay đồng hồ nước định kỳ cho các hộ dân hoặc cơ quan trên địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ phường 1), Huyện Hóc Môn do Bên B quản lý theo đúng yêu cầu thiết kế kỹ thuật của ngành cấp nước hiện hành.

1.1.2. Bên B lập kế hoạch thay đồng hồ nước định kỳ; chuẩn bị từ đầu năm về dự trù số lượng, thực hiện đề trình cho Bên A; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng liên quan đến nội dung này.

1.1.3. Tất cả đồng hồ nước được thay theo Quy định hiện hành (Định kỳ 5 năm) và những trường hợp không do lỗi khách hàng như đồng hồ nước bị ngưng, có dấu hiệu tuột số,.....hoặc đồng hồ nước được nâng, dời để thuận tiện cho công tác quản lý, đọc số thì khách hàng sẽ không phải trả chi phí này.

Ngoài các trường hợp trên, các trường hợp sau đây sẽ do khách hàng tự chịu chi phí thay đồng hồ nước:

- Thay đồng hồ nước do lỗi của khách hàng gây ra như làm hư hỏng, bề mặt kiếng không đọc được chỉ số,....).

- Thay đồng hồ nước theo yêu cầu của khách hàng như nâng, dời,...

1.1.4. Đồng hồ nước khi thay phải được dán tem, chứng nhận kiểm định và phải có giấy phê duyệt mẫu của cơ quan có thẩm quyền.

1.2 - Khối lượng công việc:

1.2.1. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ là số lượng theo kế hoạch của Bên A năm 2019.

1.2.2. Số lượng đồng hồ nước thay định kỳ của Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm trong năm để phù hợp với tổng số lượng thay thực tế được Bên A chấp nhận và việc điều chỉnh số lượng đồng hồ thay này sẽ được ký kết bằng phụ lục Hợp đồng.

1.2.3. Số lượng thay đồng hồ nước định kỳ sẽ được thanh quyết toán theo thực tế hàng Đợt hay hàng Quý.

1.2.4. Tất cả các đồng hồ nước gỡ về trên mạng lưới phải được thống kê và tái nhập kho của Bên A theo đúng số lượng đã thay.

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ HỢP ĐỒNG.

2.1. Đơn giá thay đồng hồ nước định kỳ:

2.1.1. Đồng hồ nước 15ly: Đơn giá bình quân không vượt quá **913.757 đồng/ĐHN.**

2.1.2. Đồng hồ nước 25ly: Đơn giá bình quân không vượt quá **3.933.356 đồng/ĐHN.**

2.1.3. Đơn giá đồng hồ nước lớn hơn 25ly: Thanh toán theo chi phí thực tế.

2.2. Đơn giá được nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%.

2.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, trường hợp Bên A có lập đơn giá mới thì đơn giá mới sẽ được áp dụng và được điều chỉnh bằng phụ lục.

ĐIỀU 3: THANH TOÁN:

3.1. Căn cứ vào hồ sơ từng Đợt hay từng Quý Bên B gửi, Bên A sẽ kiểm tra và thanh toán chi phí thay đồng hồ nước định kỳ cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa là 15 ngày làm việc sau khi hoàn tất bộ hồ sơ thanh toán.

3.2. Hàng Đợt hay hàng Quý, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 01).
- Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ theo Đợt hay Quý. (Phụ lục 02).
- Bảng tổng hợp nghiệm thu khối lượng hoàn thành công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng Đợt hay Quýnăm(Phụ lục 03).
- Bảng tổng hợp quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ hàng Đợt hay Quýnăm(Phụ lục 04).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.
- Kế hoạch thực hiện thay đồng hồ nước của đợt hay Quý kế tiếp.

3.3. Trong trường hợp bên A và bên B có phát sinh công nợ đối với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước thì hai bên thống nhất tiến hành bù trừ công nợ giữa hợp đồng này với hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước sau khi có *Biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ công nợ của Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ và Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước.*

Biên bản này sẽ làm cơ sở để thanh toán giá trị còn lại (nếu có) của hợp đồng sau khi bù trừ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN.

4.1-Trách nhiệm của bên A:

- Cùng với Bên B giải quyết các trở ngại phát sinh trong quá trình thi công (nếu có).
- Theo dõi việc tổ chức thi công thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện, đảm bảo tiến độ kế hoạch.
- Tổ chức kiểm tra hồ sơ hoàn công quyết toán công tác thay đồng hồ nước định kỳ do Bên B thực hiện.
- Thanh toán cho bên B theo điều 3 mục 3.1.

4.2-Trách nhiệm của bên B:

- Tổ chức thi công đúng chất lượng, đúng thiết kế theo qui định, đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.
- Sử dụng vật tư chuyên ngành cấp nước và đồng hồ nước đúng qui định.
- Không được tự ý thu thêm bất cứ một khoản chi phí nào khác của khách hàng.
- Đảm bảo việc tái lập mặt đường đúng theo qui định hiện hành.
- Cùng với bên A giải quyết trở ngại (nếu có).
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ gốc của khách hàng bao gồm cả hồ sơ thay đồng hồ nước định kỳ của khách hàng. Hàng tháng gửi danh sách hồ sơ bảng kê chi tiết thay đồng hồ nước định kỳ, cho Bên A bằng file mềm. Hồ sơ chi tiết bao gồm: Dự toán, Bản vẽ hoàn công (nếu có), Biên bản hoàn công, Bảng quyết toán (không bao gồm phần tái lập).

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA HAI BÊN.

- 5.1. Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- 5.2. Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

ĐIỀU 6: PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG.

- 6.1. Trong quá trình thi công, nếu Bên B không thực hiện đúng yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng xây lắp theo qui định, hoặc không đảm bảo quy trình, quy phạm, yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật trong xây dựng sẽ phải chịu bồi thường mọi tổn thất do việc sửa chữa lại (giá trị bồi thường thiệt hại theo thực tế phát sinh) và phải chịu phạt 10% giá trị theo từng đợt thi công bị vi phạm chất lượng.
- 6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán thù lao theo quy định tại Điều 3 mục 3.1 Hợp đồng này thì Bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng mà Bên B có tài khoản.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

- 7.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.
Đối với công tác thay đồng hồ nước có ngày hoàn công trong tháng 12 năm 2018, nhưng thời điểm quyết toán thay đồng hồ nước từ tháng 01 năm 2019 trở đi thì vẫn được thanh quyết toán theo chi phí thực tế.
- 7.2. Trước 15(mười lăm) ngày khi Hợp đồng hết hạn hai Bên sẽ cùng nhau thương thảo ký kết Hợp đồng mới.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.


- 8.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh

trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

- 8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 8.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 8.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A *beee*



Nguyễn Văn Dụ

Nguyễn Văn Dụ

ĐẠI DIỆN BÊN B *uu*



Hoàng Thế Bảo

**GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo**

PHỤ LỤC 1: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CTY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-o0o-

Số: /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN THAY ĐHN ĐỊNH KỶ QUÝ HAY ĐỢT NĂM

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ Hợp đồng số ngày
- Căn cứ Bảng kê tổng hợp danh sách khách hàng thay đồng hồ nước định kỳ Quý..... hay Đợt..... Từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo Hợp đồng số, ngày.....tháng.....năm..... như sau:

1/Đồng hồ nước thay định kỳ:

- Đồng hồ nước 15ly:
- * Số lượng:.....
- * Số tiền:.....
- Đồng hồ nước khác (nếu có):
- * Số lượng:.....
- * Số tiền:.....

2/ Tổng số tiền phải thanh toán: = đồng

Thuế giá trị gia tăng (10%) =đồng

Số tiền thanh toán = đồng

Đề nghị Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thanh toán số tiền:.....theo như điều.....khoản..... của Hợp đồng số.....

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

PHU LUC 2:

**TỔNG CÔNG TY CÁP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC.....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ TỔNG HỢP DANH SÁCH KHÁCH HÀNG THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỊNH KỲ ĐỢT HAY QUÝ.....
Đợt....Từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....**

STT	Tên khách hàng	Địa chỉ	Danh bộ	Loại đồng hồ	Chi phí			Ngày hoàn công	Ghi chú
					Vật tư	Nhân Công	Cộng		
....
Cộng

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh ngày...../...../.....

Giám đốc

PHỤ LỤC 03:

**TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢNG TỔNG HỢP NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH CÔNG TÁC: THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỢT HAY QUÝ.....NĂM.....

Từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....

Hôm nay,tại.....thành phần nghiệm thu gồm:

Đại diện Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Đại diện Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước.....

Nội dung nghiệm thu gồm:

STT	Nội dung công tác	Đơn vị	Số lượng
01	Thay đồng hồ nước - 15ly - 25ly - 40ly - - Công thay ĐHN	Cái Cái Cái
Tổng cộng		

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 04:

**TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢNG TÓNG HỢP QUYẾT TOÁN CÔNG TÁC: THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC ĐỢT HAY QUÝ.....NĂM.....

Từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....

Hôm nay,tại.....thành phần gồm:

Đại diện Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV

Đại diện Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước.....

STT	Nội dung công tác	Giá trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền
01	Thay đồng hồ nước			
Tổng cộng			

(Bảng chữ:.....)

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019

HỢP ĐỒNG

**thu hộ phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt**

Số: **289** /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 67/2003/NĐ-CP, ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 8 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 29/01/2015, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : NGUYỄN VĂN DỤ – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung làm đại diện (Theo công văn số 04/UBND-VX-TC ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Nghị Quyết số 72/NQ-TCT-HĐTV ngày 05/01/2018 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên).

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478

Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 06, ngày 27/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : HOÀNG THẾ BẢO – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với các Điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.

- 1.1. **Đối tượng Hợp đồng:** Bên B thay mặt Bên A thực hiện thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 67/2003/NĐ-CP, ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định 139/2007/QĐ-UBND, ngày 20/12/2007 điều chỉnh Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 và Quyết định 88/2010/QĐ-UBND, ngày 24/12/2010 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.2. **Phạm vi Hợp đồng:** Bên B thực hiện thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt các khách hàng trong phạm vi địa bàn quận 12, quận Gò Vấp (ngoại trừ phường 01) và huyện Hóc Môn.

Điều 2: Công việc.

- 2.1. Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được thực hiện song song với thu tiền nước khách hàng. Căn cứ trên hoá đơn tiền nước do Bên A phát

hành và Hợp đồng dịch vụ mà hai Bên đã ký kết. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt Bên B thu được hàng ngày phải chuyển toàn bộ vào tài khoản ngân hàng của Bên A ngay trong ngày được nêu trong Hợp đồng này.

- 2.2. Các chứng từ chuyển khoản và/hoặc các phiếu thu có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Bên B nộp cho Bên A là cơ sở để hai bên đối chiếu và tính toán số tiền Bên B được hưởng từ việc thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 3: Xác định giá trị thanh toán.

- Vào cuối mỗi năm, trên cơ sở số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được trong năm, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phụ cấp nhân công từ số trích 1% phí bảo vệ môi trường để lại (chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) như sau:

$$PC_{NC} = TC_{BVMT} \times TL_{PC} \times TL_{NCTT} \times TT_{BVMT}$$

Trong đó:

- + PC_{NC} : phụ cấp nhân công.
- + TC_{BVMT} : tổng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên A được trích để lại trong năm.
- + TL_{NC} : tỷ lệ phụ cấp nhân công tính trên TC_{BVMT} là 62%.
- + TL_{NCTT} : tỷ lệ phụ cấp nhân công trực tiếp được hưởng trên TL_{NC} là 70%.
- + TT_{BVMT} : tỷ trọng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên B thu được trong tổng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên A thu được trong năm.

Điều 4: Thanh toán.

- 4.1. Bên A sẽ thanh toán số tiền Bên B được hưởng như quy định tại điều 3 bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa 20 ngày làm việc sau khi hoàn tất đầy đủ chứng từ thanh toán.
- 4.2. Chứng từ thanh toán bao gồm:
- + Bảng tổng hợp số phí bảo vệ môi trường thu được thực tế trong năm có xác nhận của hai Bên.
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bao gồm 10% thuế GTGT) và ngày xuất hóa đơn phải thuộc năm dương lịch trích 1% phí bảo vệ môi trường.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 5.1.1. Có nghĩa vụ phát hành hoá đơn tiền nước có phí bảo vệ môi trường đúng tiến độ đọc số và thu tiền.
- 5.1.2. Có quyền yêu cầu Bên B chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản ngân hàng của Bên A.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 5.2.1. Có nghĩa vụ thu tiền nước có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đúng quy định.
- 5.2.2. Có quyền yêu cầu Bên A phát hành hoá đơn tiền nước có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đúng tiến độ đọc số và thu tiền.
- 5.2.3. Có quyền yêu cầu Bên A thanh toán giá trị mà Bên B được hưởng đúng thời gian mà 02 bên thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 6: Điều khoản chung.

- 6.1. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 6.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) sẽ được hai Bên bàn bạc, thống nhất sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai Bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- 6.3. Hợp đồng này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019.
- 6.4. Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực khi một trong hai Bên bị giải thể hoặc khi có thay đổi pháp luật có liên quan đến chấm dứt việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A *Quu*
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dụ
Nguyễn Văn Dụ

ĐẠI DIỆN BÊN B *MLL*

Hoàng Thế Bảo
GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo